

Bản án số: 154/2017/DS-PT
Ngày: 28 - 8 - 2017
V/v: “*Tranh chấp về thừa kế
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Dương Quốc Tuấn

Ông Phạm Hoàng Lâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:* Ông Nguyễn Đồng Khởi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2016/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2016 về “*Tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2016/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố 3, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 214/2017/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Văn T; Địa chỉ: ấp 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Phạm Văn H; Địa chỉ: ấp 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Y; địa chỉ: ấp 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2017).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Phạm Văn N; Địa chỉ: ấp 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Lê Thị Y; Địa chỉ: ấp 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Phạm Văn B; Địa chỉ: ấp 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Kiên Giang.

4.2. Phạm Thị D; Địa chỉ: ấp 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

- 4.3. Phạm Thị V; Địa chỉ: ấp 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Kiên Giang.
4.4. Phạm Xuân C; Địa chỉ: ấp 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Kiên Giang.
5. *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Phạm Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Vào năm 2009 mẹ ông là bà Đinh Thị Sáu qua đời, để lại toàn bộ tài sản là nhà và đất cho cha ông là Phạm Văn Hoài toàn quyền sở hữu và sử dụng gồm 01 căn nhà, đất mía, đất ở, đất LNK với tổng diện tích là 11.190,5m² đất nằm trong tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000053, cấp ngày 01/02/1996 gồm các thửa 262, 263, 264 do ông Phạm Văn Hoài đứng tên, tất cả số tài sản trên tọa lạc tại ấp 1, xã 2, thành phố 3, tỉnh Hậu Giang. Cha mẹ ông có 8 người con gồm: Phạm Thị Hai (đã chết), Phạm Văn N, Phạm Văn B, Phạm Thị V, Phạm Thị D, Phạm Văn T, Phạm Văn H, Phạm Xuân C.

Đến ngày 17/3/2009 ông Phạm Văn Hoài có lập di chúc để thừa kế cho ông 4.000m² đất mía, LNK thuộc thửa 262, 263 tờ bản đồ 01; để thừa kế cho ông Phạm Văn N 1.000m² thuộc thửa 263, 264, loại đất T, LNK và ông Phạm Văn H được hưởng phần còn lại tại thửa 262, 263. Đến ngày 17/08/2011, cha ông chết, toàn bộ phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha ông do ông Phạm Văn H quản lý và sử dụng. Nay ông yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản cho ông 4.000m² theo bản di chúc mà cha ông là Phạm Văn Hoài để lại.

Bị đơn ông Phạm Văn H trình bày: Cha ông là Phạm Văn Hoài chết năm 2011, có để lại phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 11.190,5m², toàn bộ phần đất này sau khi cha ông chết do ông quản lý, sử dụng nhưng trước đây khi cha ông còn sống có cho vợ chồng ông 06 công đất, phía bên Tây Nam theo lược đồ đo vẽ năm 2009, cha ông chết không để lại di chúc, còn phần đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cha của ông có cho ai không thì ông không biết. Nay ông T và ông N yêu cầu ông chia lại phần đất do ông Hoài mất để lại theo di chúc, ông không đồng ý vì di chúc không hợp pháp, lúc lập di chúc ông Hoài không hợp các con lại để phân chia và yêu cầu tòa án xem xét tính hợp pháp của di chúc, nếu di chúc hợp pháp thì ông đồng ý chia đất cho ông T và ông N, nếu di chúc không hợp pháp thì toàn bộ diện tích đất cha ông mất để lại thuộc quyền sử dụng của ông vì ông sống chung với cha mẹ từ nhỏ đến lớn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N trình bày: Ông N có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án chia cho ông 1.000m² đất theo di chúc ông Hoài để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y trình bày: Bà Lê Thị Y thừa nhận ông Phạm Văn Hoài chết có để lại nhà và đất, toàn bộ nhà và đất do vợ chồng bà đang quản lý, sử dụng. Lúc ông Hoài còn sống có cho vợ chồng bà 06 công đất trồng mía, nhưng chưa tách thửa sang tên theo quy định, nay vợ chồng bà đã cải tạo lại đất để trồng cây lâu năm, các cây trồng gồm: sầu riêng, cam, quýt, dâu; phần đất còn lại thì ông Hoài có cho ông T 04 công, cho ông N 01 công. Theo biên bản hòa giải ngày 11/11/2009 tại xã Tân Tiến, thời điểm này ông Hoài còn minh mẫn, bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông T và ông N, do chồng bà là ông H quyết định.

Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2016/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố 3, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông Phạm Văn T và ông Phạm Văn N.

1/ Buộc ông Phạm Văn H có trách nhiệm giao lại cho ông Phạm Văn T phần đất có diện tích 4.000m², thuộc một phần thửa 262, 263, 264 tờ bản đồ số 01 có tứ cận như sau:

Ngang trước 15.78m giáp quốc lộ 61, ngang sau 25.84m giáp sông Cái Tur, dài cạnh giáp đất ông N được chia và ông Ngô Văn Chính, cạnh còn lại giáp đất ông H được chia (vị trí ghi chú 2 theo lược đồ trích đo địa chính của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, tỉnh Hậu Giang)

Buộc ông Phạm Văn H có trách nhiệm giao lại cho ông Phạm Văn N phần đất có diện tích 1.000m² thuộc một phần thửa 262, tờ bản đồ số 01, vị trí tứ cận như sau:

Ngang trước 10m giáp quốc lộ 61, ngang sau 10m giáp đất ông T được chia, dài cạnh 99.96m giáp đất ông Ngô Văn Chính, dài cạnh 101.75m giáp phần đất chia cho ông Phạm Văn T (vị trí ghi chú 1 theo lược đồ trích đo của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang).

2/ Giao toàn bộ căn nhà cấp 4 và diện tích 5.323,8m² (trong đó có 54,8m² đất thổ cư) cho ông Phạm Văn H quản lý và sử dụng, có tứ cận như sau:

Ngang trước giáp quốc lộ 61, ngang sau giáp sông Cái Tur, dài cạnh giáp đất giao cho ông T, dài cạnh còn lại giáp đất ông Nguyễn Văn Tài (vị trí ghi chú 3 theo lược đồ trích đo của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang). (Có lược đồ đo vẽ kèm theo)

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn T đồng ý hỗ trợ cho ông Phạm Văn H số tiền 20.000.000 đồng, do ông nhận phần đất thổ cư nhiều hơn ông H.

4/ Giao toàn bộ cây trồng trên phần đất 4.000m² đã chia cho ông Phạm Văn T quản lý, sử dụng. Buộc ông Phạm Văn T phải hoàn lại cho ông H, bà Y số tiền 53.401.000 đồng giá trị cây trồng trên đất.

Giao toàn bộ cây trồng trên phần đất 1.000m² đã chia cho ông Phạm Văn N. Buộc ông N phải hoàn lại cho ông H, bà Y số tiền 11.520.000 đồng giá trị cây trồng trên đất.

Kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật ông H, bà Y không được canh tác và thu hoạch các cây trồng đã giao cho ông T và ông N.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí thẩm định, đo đạc và định giá; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 06 tháng 6 năm 2016, bị đơn ông Phạm Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận các thửa đất 262,263, 264 cho vợ chồng bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án là có cơ sở đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết Tòa án và đương sự đều tuân thủ quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn ông Phạm Văn T cho rằng cha ông là ông Phạm Văn Hoài có để lại di chúc phân chia cho ông phần đất 4000m², nhưng phần đất này hiện nay bị đơn ông Phạm Văn H đang quản lý, sử dụng nên ông yêu cầu ông H giao phần đất này cho ông nhưng ông H không thừa nhận di chúc, không đồng ý giao đất nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hệ pháp luật “Tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 6 năm 2016 bị đơn ông Phạm Văn H có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[1] Về nguồn gốc đất: Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất và nhà là tài sản của vợ chồng ông Phạm Văn Hoài và bà Đinh Thị Sáu tạo lập. Bà Sáu

chết các đương sự đều thống nhất để ông Hoài được toàn quyền quản lý sử dụng và định đoạt, không ai có ý kiến hoặc tranh chấp (Bút lục số 161) và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đương sự vẫn thừa nhận giao quyền định đoạt tài sản cho ông Hoài sau khi bà Sáu chết. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí các bên xác định tài sản này là của ông Phạm Văn Hoài.

[2] Ngày 17/3/2009 ông Phạm Văn Hoài có lập di chúc phân định tài sản, trong đó thể hiện ông Phạm Văn T được hưởng 4.000m² đất mía, LNK thuộc thửa 262, 263 tờ bản đồ 01; ông Phạm Văn N hưởng 1.000m² thuộc thửa 263, 264, loại đất T, LNK và ông Phạm Văn H được hưởng phần còn lại tại thửa 262, 263. Bị đơn cùng các hàng thừa kế của ông Hoài thừa nhận ông Hoài có di chúc cho ông N 1.000m², di chúc cho ông T 4.000m² và phần còn lại là của bị đơn; Nhưng bị đơn không thừa nhận di chúc mà nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ thể hiện ý chí ông Hoài và không thừa nhận chữ ký của ông Hoài trong tờ di chúc, không đồng ý chia đất theo yêu cầu của ông N, ông T, yêu cầu được sở hữu và ổn định phần đất và nhà đang ở.

[3] Đánh giá tính hợp pháp của di chúc: Xét về hình thức thì di chúc được lập thành văn bản có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang. Đồng thời, theo công văn số 337/UBND ngày 16/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến cũng xác định chủ tịch Ủy ban nhân dân xã 2 thời điểm lập di chúc là ông Lý Kim Trọng. Xét ý chí, nguyện vọng của ông Hoài: Việc xác lập di chúc được tất cả các con của ông Hoài thừa nhận, riêng bị đơn không thừa nhận nhưng bị đơn lại cho rằng ngày 11/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, ông Hoài có phân chia tài sản cho ông N 1.000m², ông T 4.000m², phần còn lại là ông và bị đơn cũng đã thống nhất với sự phân chia này và có ký tên vào biên bản (Bút lục 162); Mặc khác trong bản di chúc có ông Ngô Văn Hà là người ký tên với tư cách người chứng kiến cũng thừa nhận là ông có cùng ông Hoài đến Ủy ban nhân dân xã 2 để chứng thực di chúc và ông cũng khẳng định thời điểm lập di chúc ông Hoài còn khỏe mạnh và minh mẫn. Từ những chứng cứ nêu trên, xét về hình thức, nội dung, ý chí của ông Hoài là phù hợp với quy định của pháp luật. Từ đó cho thấy cấp sơ thẩm xác định tính hợp pháp của di chúc và giải quyết thừa kế theo di chúc là có cơ sở.

[4] Bị đơn không thừa nhận di chúc, nhưng không có chứng cứ nào chứng minh di chúc mà nguyên đơn cung cấp là giả tạo; Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn có yêu cầu giám định chữ ký của ông Hoài trong bản di chúc mà nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên bị đơn không cung cấp được đầy đủ chữ ký để cơ quan chuyên môn giám định và theo Thông báo số 02/PC54 ngày 25/5/2017 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Hậu Giang thì chưa đủ cơ sở để tiến hành giám định (Bút lục số 155). Từ đó có thể khẳng định bị đơn cũng đã biết được ý chí định đoạt của ông Hoài lúc còn sống và bị đơn

cũng đồng ý với định đoạt này. Việc cấp sơ thẩm chấp nhận di chúc và phân chia theo di chúc là có lợi cho bị đơn, nếu chia theo pháp luật thì bị đơn sẽ được phân chia ít hơn so với giá trị tài sản mà ông Hoài để lại.

[5] Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như giai đoạn giải quyết ở cấp phúc thẩm nguyên đơn Phạm Văn T yêu cầu được chia phần đất bằng với diện tích theo di chúc là 4.000m²; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn N yêu cầu chia 1.000m² và đồng ý để lại phần đất và căn nhà cùng tài sản khác còn lại của ông Hoài để lại theo di chúc cho ông H. Căn cứ theo mảnh trích đo địa chính số 79/TTKTTN&MT, ngày 09 tháng 5 năm 2016 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang thì phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích là 10.323,8m². Phần diện tích mà nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu không trùng khớp với phần đất đã được vẽ trong di chúc; Tuy nhiên trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất phần đất tranh chấp theo mảnh trích đo địa chính số 79/TTKTTN&MT, ngày 09 tháng 5 năm 2016 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang; Do đó cấp sơ thẩm ghi nhận sự thống nhất này để phân chia thừa kế là phù hợp.

[6] Theo nội dung di chúc thì nguyên đơn được hưởng phần đất thổ cư nhiều hơn bị đơn nên nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho bị đơn số tiền 20.000.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với phần cây trồng trên đất, nguyên đơn và ông N đều thừa nhận là do bị đơn trồng và đồng ý trả giá trị cho bị đơn, do đó việc cấp sơ thẩm buộc phía nguyên đơn và ông N có nghĩa vụ phải trả giá trị cây trồng cho bị đơn là phù hợp.

[8] Phần căn nhà và tài sản khác còn lại theo di chúc, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn N và những người con của ông Hoài thống nhất theo di chúc chia cho ông H và hiện tại ông H quản lý sử dụng từ khi ông Hoài chết cho đến nay, nên công nhận cho bị đơn được ổn định, sử dụng.

[9] Bị đơn có yêu cầu kháng cáo cho rằng về số lượng cây trồng trên đất Tòa án cấp sơ thẩm thống kê không chính xác và có yêu cầu cấp phúc thẩm kiểm tra lại cây và lưới bao quanh phần đất tranh chấp. Tuy nhiên, ngày 29/5/2017 bị đơn có đơn xin rút lại yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với kháng cáo về án phí, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được cấp xét xử sơ thẩm phân chia di chúc của ông Hoài, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/QUTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định người được phân chia di sản thừa kế, thì họ phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản mà họ được chia; Do đó cấp sơ thẩm tính giá trị tài sản của các đương sự được chia di sản thừa kế và tính án phí sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật, nên kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[11] Đối với những người con còn lại của ông Hoài không được phân chia theo di chúc như: Phạm Văn B, Phạm Thị D, Phạm Thị V, Phạm Xuân C, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm hay thống nhất theo di chúc và cùng không yêu cầu phân chia tài sản của ông Hoài để lại; Nên cấp sơ thẩm không xác định đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ tranh chấp này là có cơ sở.

Từ những phân tích trên xét thấy bị đơn ông Phạm Văn H có yêu cầu kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 646, Điều 648, Điều 652, Điều 654, Điều 658 của Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 81/2016/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố 3, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn N.

1/ Buộc ông Phạm Văn H có trách nhiệm giao lại cho ông Phạm Văn T phần đất có diện tích 4.000m², thuộc một phần thửa 262, 263, 264 tờ bản đồ số 01 có tứ cận như sau:

Ngang trước giáp quốc lộ 61 là 15.78m, ngang sau giáp sông Cái Tư là 25.84m, cạnh dài giáp phần đất ông Phạm Văn N được chia và ông Ngô Văn Chính, cạnh còn lại giáp đất ông Phạm Văn H được chia (vị trí ghi chú 2 theo

lược đồ trích đo địa chính của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, tỉnh Hậu Giang)

Buộc ông Phạm Văn H có trách nhiệm giao lại cho ông Phạm Văn N phần đất có diện tích 1.000m² thuộc một phần thửa 262, tờ bản đồ số 01, vị trí tứ cận như sau:

Ngang trước giáp quốc lộ 61 là 10m, ngang sau giáp phần đất ông T được chia là 10m, cạnh dài là 99.96m giáp đất ông Ngô Văn Chính, dài cạnh 101.75m giáp phần đất chia cho ông Phạm Văn T (vị trí ghi chú 1 theo lược đồ trích đo của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang).

2/ Giao toàn bộ căn nhà cấp 4 và diện tích 5.323,8m² (trong đó có 54,8m² đất thổ cư) cho ông Phạm Văn H quản lý và sử dụng, có tứ cận như sau:

Ngang trước giáp quốc lộ 61, ngang sau giáp sông Cái Tư, cạnh dài giáp đất giao cho ông Phạm Văn T, cạnh dài còn lại giáp đất ông Nguyễn Văn Tài (vị trí ghi chú 3 theo lược đồ trích đo của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang). (Có lược đồ đo vẽ kèm theo)

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn T đồng ý hỗ trợ cho ông Phạm Văn H số tiền 20.000.000 đồng, do ông nhận phần đất thổ cư nhiều hơn ông H.

4/ Giao toàn bộ cây trồng trên phần đất 4.000m² đã chia cho ông Phạm Văn T quản lý, sử dụng. Buộc ông Phạm Văn T phải hoàn lại cho ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Y số tiền 53.401.000 đồng giá trị cây trồng trên đất.

Giao toàn bộ cây trồng trên phần đất 1.000m² đã chia cho ông Phạm Văn N. Buộc ông N phải hoàn lại cho ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Y số tiền 11.520.000 đồng giá trị cây trồng trên đất.

Kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Y không được canh tác và thu hoạch các cây trồng đã giao cho ông Phạm Văn T và ông Phạm Văn N.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người bị thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn T phải chịu 22.250.000^d (Hai mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ 4.500.000^d tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003127 ngày 05/10/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố 3, tỉnh Hậu Giang. Ông Phạm Văn T tiếp tục nộp thêm 17.750.000^d (Mười bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí còn thiếu.

Ông Phạm Văn N phải chịu 5.800.000^d (Năm triệu tám trăm nghìn đồng), được khấu trừ 1.200.000^d (Một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 0003183 ngày 22/10/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố 3, tỉnh Hậu Giang. Ông Phạm Văn N tiếp tục nộp thêm 4.600.000^d (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí còn thiếu.

Ông Phạm Văn H phải nộp 29.980.000^d (Hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí tương đương với diện tích đất được chia là 5.328,8m².

Chi phí thẩm định, đo đạc, vẽ lược đồ và định giá tài sản ở cấp sơ thẩm là: 10.264.397^d (Mười triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng). Ông Phạm Văn T phải chịu 4.264.397^d (Bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), ông T đã nộp xong; Ông Phạm Văn H và ông Phạm Văn N mỗi người phải nộp 3.000.000^d (Ba triệu đồng) để hoàn trả lại cho ông Phạm Văn T; Ông T được nhận lại 335.000^d (Ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền chi phí tạm ứng còn thừa tại Tòa án nhân dân thành phố 3, tỉnh Hậu Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Văn H phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng), khấu trừ 200.000^d tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003577 ngày 06/06/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố 3, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí phúc thẩm.

Chi phí thẩm định, đo đạc phúc thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu là 2.000.000^d (Hai triệu đồng), ông T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 28 tháng 8 năm 2017.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TP. 3;
- Chi cục THADS TP. 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Khải